

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671003 - Thí nghiệm Vật lý đại cương
Lớp :

STC : 1(15,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Võ Thái	An	3471010009	06/11/1991		7,00		
2	Châu Minh	Ngọc	3471010225	05/12/1992		4,00		
3	Võ Anh	Tùng	3471010381	11/12/1992				
4	Phùng Văn	Đạt	3571010587	19/09/1993				Nợ HP
5	Đạt Huỳnh	Nghĩa	3771040770	23/10/1995		5,00		
6	Trần Văn	Khôi	3771040777	28/12/1995		4,00		
7	Kiều Đình	Dũng	3771040778	10/01/1994		6,00		
8	Phạm Hồng	Tâm	3771040789	15/03/1995		1,00		
9	Hán Văn	Truyền	3771040791	12/07/1995		5,00		
10	Đậu Văn	Chiến	3771040795	10/03/1995		5,00		
11	Lê Thành	Cảnh	3771040797	19/09/1995		4,00		
12	Nguyễn Trần Ngọc	Thiện	3771040811	30/01/1994		,00		
13	Lê Thị Kiều	Ngọc	3771040829	01/08/1995		7,00		
14	Hồ Thanh	Liêm	3771040844	10/11/1994		5,00		
15	Lê Nguyễn Đức	Hưng	3771040847	19/05/1995		,00		
16	Huỳnh Minh	Tân	3771040850	21/11/1995		6,00		
17	La Quang	Tuấn	3771040856	29/05/1995		5,00		
18	Hồ Văn	Tân	3771040859	13/11/1994		7,00		
19	Nguyễn Quốc	Khánh	3771040861	09/04/1994		,00		
20	Nguyễn Hoàng	Diễm	3771040865	20/07/1995		4,00		
21	Nguyễn Thanh	Bình	3771040872	25/09/1995		6,00		
22	Ngô Trung	Việt	3771040876	18/09/1993		4,00		
23	Huỳnh Văn	Hòa	3771040892	14/02/1995		4,00		
24	Nguyễn Hồng	Sang	3771040894	01/09/1995		3,00		
25	Ninh Văn	Tuấn	3771040901	15/05/1994		5,00		
26	Trần Thành	Nam	3771040925	25/11/1994		6,00		
27	Triệu Văn	Hậu	3771041003	12/12/1994		3,00		
28	Nguyễn Đăng	Phú	3771041008	30/10/1993		,00		
29	Trần Huỳnh Thanh	Tâm	3771041009	17/08/1995		5,00		
30	Phan Hữu	Phước	3771041013	14/07/1995		,00		
31	Phạm Thành	Duy	3771041014	22/03/1995		3,00		
32	Nguyễn Chí	Trung	3771041024	25/04/1994		7,00		
33	Phạm Thành	Đạt	3771041026	02/06/1995		5,00		
34	Bùi Di	Thức	3771041034	05/01/1993		5,00		
35	Trịnh Chí	Linh	3771041036	14/06/1995		5,00		

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Võ Quốc	Đạt	3771041040	23/10/1994		1,00		
37	Phan Khắc	Huy	3771041049	29/09/1995		1,00		
38	Bùi Đình	Long	3771041056	15/08/1995		,00		
39	Phạm Hoàng	Thiện	3771041059	06/11/1995		,00		
40	Lê Minh	Nhật	3771041097	15/04/1995		5,00		
41	Nguyễn Hồng	Thạch	3771041104	25/09/1995		2,00		
42	Phạm Minh	Trung	3771041115	30/04/1995		3,00		
43	Võ Thanh	Mạnh	3771041138	24/04/1995		4,00		
44	Trịnh Văn	Nhân	3771041155	06/01/1995		5,00		
45	Trần Quốc	Đạt	3771041214	08/02/1995		5,00		
46	Hồ Hoàng	Tuấn	3771041223	14/01/1995		4,00		
47	Nguyễn Khắc	Hùng	3771041237	05/08/1994		5,00		
48	Lương Bá	Quang	3771041256	01/08/1995		,00		
49	Thái Đình	Khang	3771041264	10/05/1995		4,00		
50	Lương Mạnh	Việt	3771041287	08/11/1995		3,00		
51	Triệu Thị	Yến	3771041297	14/09/1995		3,00		
52	Hồ Sỹ	Huyền	3771041300	19/02/1994		4,00		
53	Đinh Bạt	Phú	3771041315	06/09/1995		1,00		
54	Trần Nhất	Trí	3771041320	04/02/1994		6,00		
55	Nguyễn Ngọc	Sanh	3771041359	21/02/1995		4,00		
56	Nguyễn Văn	Quang	3771041395	08/07/1992		4,00		

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)